TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHONG** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2024/HSST
Ngày: 02/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hưng Quang – Cán bộ hưu trí

2/ Ông Phạm Hồng Sơn – Cán bộ hưu trí

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: ông Trần Hải Điền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:176/2023/TLST-HS, ngày 06 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐ-HPT ngày 24/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc L; Giới tính: Nam; sinh năm 1966, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi thường trú: khu phố H1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Chổ ở hiện nay: số nhà 47/20 đường Nguyễn Trường Tộ, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Ngọc V và con bà: Phạm Thị H (đều đã chết); Anh, chị, em ruột: có 05 người, lớn nhất sinh năm 1963, nhỏ nhất sinh năm 1982; Vợ: Nguyễn Ngọc Phương Đ1; Con: 03 người, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2006

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2023 tại nhà Tạm giữ Công an huyện P đến ngày 11/10/2023 được áp dụng biện pháp bão lãnh để điều trị bệnh, hiện đang cư trú tại khu phố H1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sự Đặng Trường T1 – Văn phòng Luật sư Đặng Trường T1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt

- Người bị hại: Nguyễn Đức T, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn L1, xã M, huyện P, Bình Thuận; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyễn Ngọc L- sinh năm: 1966 trú tại: số 47/20, đường Nguyễn Trường Tộ, thị trấn C, huyện P và Nguyễn Đức T - sinh năm: 1994, trú tại: Thôn L1, xã M, huyện P có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội với nhau. Vào đầu năm 2022,

Nguyễn Đức T có mua lại từ ông Trần Thanh H2- sinh năm: 1971 trú tại: Thôn B, xã T2, huyện B, tỉnh Bình Thuận 01 thửa đất có diện tích khoảng 2,78 hecta tại khu vực khu phố H1, thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận (thửa đất này không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Vì có nhu cầu làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nên thông qua tìm hiểu, Nguyễn Đức T biết được Nguyễn Ngọc L có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã trực tiếp đi đến nhà để gặp L và đặt vấn đề trao đổi nhờ L giúp đỡ T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi nghe Ttrao đổi, mặc dù L biết rõ bản thân không có khả năng làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất của T nhưng vì cần tiền để tiêu xài cho mục đích cá nhân nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Thắng. L giới thiệu với Trằng L có quen biết với nhiều cán bộ Nhà nước làm ở lĩnh vực đất đai và có thể làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giúp cho T với tiền công là 500.000.000 đồng, Ttin tưởng nên đồng ý. Trong khoảng thời gian từ ngày 24/3/2022 đến ngày 21/6/2022, L lấy lí do cần tiền để "chung chi" cho các cán bộ phụ trách việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để yêu cầu T03 lần đưa tiền với tổng số tiền là 400.000.000 đồng cho L, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 24/3/2022, tại quán cà phê Thuận Thiên ở thôn Hòa Đa, xã T2, huyện B, tỉnh Bình Thuận, Nguyễn Đức T và Nguyễn Ngọc L thỏa thuận ký với nhau 01 hợp đồng dịch vụ với nội dung L sẽ giúp T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất có diện tích 30.000 m^2 tọa lạc tại khu phố Phú Hòa, thị trấn C, huyện P trong thời hạn 90 ngày. Việc thỏa thuận hợp đồng có sự chứng kiến của ông Từ Quốc M1 - sinh năm: 1984, trú tại: khu phố Phú Hòa, thị trấn C, huyện P và Tđưa cho L số tiền 80.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào ngày 12/4/2022, L tiếp tục yêu cầu T đưa cho L số tiền 155.000.000 đồng tại quán Cây Dừa thuộc xã M, huyện P, tỉnh Bình Thuận. Lần đưa tiền này hai bên tiếp tục ghi nhận vào hợp đồng được lập ngày 24/3/2022 và có sự chứng kiến của ông Từ Quốc M1.

Lần thứ ba: Vào ngày 21/6/2022, L tiếp tục yêu cầu T đưa cho L số tiền 155.000.000 đồng tại quán quán cà phê Thuận Thiên ở thôn Đ, xã T2, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Lần đưa tiền này hai bên tiếp tục ghi nhận vào hợp đồng được lập ngày 24/3/2022 và có sự chứng kiến của ông Từ Quốc M1.

Đến hết thời hạn theo hợp đồng đã ký, T nhận thấy L vẫn không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã nhiều lần liên hệ với L yêu cầu L thực hiện hợp đồng thì L đưa ra nhiều lý do khác nhau để kéo dài thời gian.Tnhận thấy L không làm theo thỏa thuận như hợp đồng đã ký nên T đã yêu cầu L trả lại tiền cho T. L thừa nhận đã sử dụng hết số tiền T đưa cho mục đích cá nhân và không có khả năng hoàn trả nên ngày 18/8/2022,Tyêu cầu L viết giấy xác nhận đã mượn nợ số tiền 400.000.000 đồng từ T và ông L phải trả lãi hàng tháng bằng hình thức chuyển tiền lãi vào số tài khoản 050066157684 của Trương Thị Bích Tr (vợ T) thuộc ngân hàng Sacombank chi nhánh C- R, tỉnh Khánh Hòa.Tổng cộng từ tháng 9/2022 đến tháng 12/2022, ông L đã trả cho Ttổng cộng số tiền 157.500.000 đồng sau đó L không trả nữa. Đến ngày 18/02/2023,T làm đơn tố cáo L về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T. Ngày 15/5/2023, Nguyễn Đức T giao nộp cho cơ quan cảnh sát điều tra- Công

an huyện P 01 USB bên trong có chứa 02 đoạn ghi âm quá trình trao đổi thỏa thuận giữa Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Đức T và Từ Quốc M1.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố theo Cáo trạng số 187/CT-VKSTP-HS, ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Ngọc L** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc L** mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Về tang vật chứng của vụ án: 01 USB có chứa 02 đoạn ghi âm đã chuyển kèm hồ sơ vụ án, đây là vật chứng liên quan đến vụ án nên tiếp tục tạm giữ kèm hồ sơ.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Đức T đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên về phần tội danh. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo phạm tội do còn hạn chế trong nhận thức, gia đình là người có công trong kháng chiến, bị hại có đơn xin bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tuyên phạt bị cáo với mức án thấp nhất của khung hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Bị cáo thống nhất lời bào chữa của Luật sư không có ý kiến bổ sung gì.

Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố

tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng số 187/CT-VKTP-HS, ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và người làm chứng cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xảy ra vào khoảng 08 giờ ngày 24.3.2022 tại Quán Cà phê Thuận Thiên ở thôn Đ, xã T2, huyện B, Bình Thuận; Ngày 12/4/2022 tại Quán Cây Dừa thuộc xã M, huyện P, Bình Thuận và ngày 21/6/2022 tại Quán Cà phê Thuận Thiên ở thôn Đ, xã T2, huyện B, Bình Thuận do bị cáo Nguyễn Ngọc L đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chiếm đoạt số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) của ông Nguyễn Đức T để sử dụng vào mục đích cá nhân thì bị phát hiện.

Vì vậy, Cáo trạng số số 187/CT-VKSTP-HS, ngày 03/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc L về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Ngọc L đã 03 lần dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tổng số tiền 400.000.000đ của bị hại Nguyễn Đức Tvà cả 03 đều cấu thành tội phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi; bổ sung năm 2017).

Tuy nhiên tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải và đã khắc phục toàn bộ hậu quả số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại và cha ruột của bị cáo được nhà nước tặng thưởng nhiều huân chương trong thời kỳ kháng chiến, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, hiên nay bị cáo bị mắc bệnh suy thận mãn tính, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây nghi kỵ không tốt trong nội bộ quần chúng nhân dân và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017) để xử phạt bị cáo dưới mức khung hình phạt mà Bộ Luật quy định. Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có công trong kháng chiến, sau khi biết có lỗi đã tự khắc phục toàn bộ số tiền mà bị cáo chiếm đoạt cho bị hại, bị hại có đơn tha thiết xin bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, hiện bị cáo đang mắc bệnh suy thận mãn tính và còn đang điều trị. Vì vậy, bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù là không cần thiết mà để bị cáo ở bên ngoài dưới sự giám sát của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

[5] Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư thống nhất quan điểm của Kiểm sát viên về phần tội danh. Tuy nhiên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ khác như: Gia đình có công trong kháng chiến, bị hại có đơn xin bãi nại và xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), để tuyên phạt bị cáo với mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị nên ghi nhận để xem xét.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

[7] Về tang vật chứng của vụ án: 01 USB có chứa 02 đoạn ghi âm đã chuyển kèm hồ sơ vụ án, đây là vật chứng liên quan đến vụ án nên tiếp tục tạm giữ kèm theo hồ sơ.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại Nguyễn Đức T đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Ngọc L** phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc L 03 (ba)** năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc L cho UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh Bình Thuận giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc L phải nộp **200.000**đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Tiếp tục tạm giữ 01 USB có chứa 02 đoạn ghi âm kèm theo hồ sơ vụ án.

[3] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt bị cáo, người bị hại, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(đã giải thích chế độ án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện P;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục THADS huyện P;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lý Văn Lấy